

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/DS- ST

Ngày: 13 - 12- 2017

“V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Trà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Hoàng Việt

2. Ông Lê Văn Cao

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: thụ lý số 245/2017/TLST - DS ngày 03 tháng 5 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2017/QĐST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Quốc L, sinh năm 1957

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Đ

- *Bị đơn:* Công ty VT

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ giám đốc

Địa chỉ: ấp B, xã L, thành phố V, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Quốc L trình bày và yêu cầu như sau: Vào ngày 27/7/2016, giữa ông với ông Nguyễn Văn H là đại diện của công ty VT có ký kết hợp đồng môi giới việc làm với nội dung là ông sẽ môi giới cho Công ty VT thi công công trình cung cấp thảm bê tông nhựa nóng cho gói thầu ICB GMS – 2-8: Xây dựng kè chống xói lở bờ sông Tiền, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đ, giá của hợp đồng môi giới là 120.000.000 đồng và thời gian thanh toán là trước khi Công ty VT nhận tiền thi công đợt đầu. Đến ngày 09/9/2016, Công ty VT đã ký được hợp đồng kinh tế về việc cung cấp bê tông nhựa

nóng với Công ty BC (chủ thầu) để thi công công trình cung cấp thảm bê tông nhựa nóng cho gói thầu ICB GMS – 2-8. Tuy nhiên sau khi ký hợp đồng với Công ty BC xong thì Công ty VT không thực hiện thỏa thuận là chi trả cho ông số tiền 120.000.000 đồng. Qua nhiều lần liên hệ nhắc nhở, đến ngày 12/12/2016 thì Công ty VT mới chuyển khoản thanh toán cho ông được 50.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu Công ty VT phải tiếp tục thanh toán cho ông số tiền còn lại là 70.000.000 đồng tiền hợp đồng môi giới việc làm đã ký kết ngày 27/7/2016 và yêu cầu tính lãi từ ngày 09/9/2016 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, ông Trần Quốc L thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi, chỉ yêu cầu Công ty VT thanh toán tiền lãi từ 12/12/2016 là ngày Công ty VT thanh toán số tiền 50.000.000 đồng đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 1%/tháng là 8.400.000 đồng.

Bị đơn vắng mặt các lần triệu tập của Tòa nên không có lời khai.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù bị đơn có đơn yêu cầu hoãn phiên tòa do bận công tác, tuy nhiên do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để xét xử lần thứ hai, đồng thời xét thấy việc vắng mặt của bị đơn không cản trở cho việc giải quyết vụ án, do đó Tòa án căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào nội dung hợp đồng môi giới việc làm được ký kết ngày 27/7/2016 giữa ông Trần Quốc L với ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo pháp luật của Công ty VT thể hiện ông Nguyễn Văn H đã thỏa thuận với ông Trần Quốc L môi giới cho Công ty VT thi công công trình trải thảm bê tông nhựa nóng tại địa bàn thị trấn T, huyện H, tỉnh Đ, giá trị hợp đồng là 120.000.000 đồng, thời gian thanh toán được thực hiện trước khi Công ty VT nhận tiền thi công đợt đầu. Tại đơn giải trình đề ngày 21/7/2017 của Công ty VT thể hiện Công ty VT thừa nhận có ký hợp đồng với Công ty BC, nhưng do điều kiện vận chuyển khó khăn nên không thực hiện thi công theo hợp đồng mà chỉ cho thuê phương tiện vận chuyển và phương tiện rải bê tông và Công ty VT đã chi trả cho ông Trần Quốc L 50.000.000 đồng tiền môi giới. Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông Trần Quốc L với Công ty VT có xác lập hợp đồng môi giới với nhau là sự thật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Theo nội dung hợp đồng môi giới do hai bên ký kết thì ông Trần Quốc L có nghĩa vụ môi giới cho Công ty VT

thi công được công trình trải bê tông nhựa nóng cho gói thầu ICB GMS – 2-8 tại địa bàn thị trấn T, huyện H, tỉnh Đ, Công ty VT có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Quốc L 120.000.000 đồng. Ngày 09/9/2016, Công ty VT đã ký được hợp đồng với Công ty BC để thi công công trình này. Trên thực tế, theo xác nhận của chính quyền địa phương thị trấn T, huyện H, tỉnh Đ thì hiện nay công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, đơn vị thi công là Công ty VT, Công ty VT cũng thừa nhận đã tạm ứng tiền môi giới cho ông Trần Quốc L 50.000.000 đồng. Mặc dù Công ty VT cho rằng sau khi ký hợp đồng do điều kiện khách quan nên không có thực hiện việc thi công mà chỉ cho Công ty BC thuê phương tiện nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập người đại diện của bị đơn Công ty VT để đối chất và yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ nhưng bị đơn đều vắng mặt và không cung cấp chứng cứ cho Tòa nên chưa có căn cứ để công nhận lời trình bày này của bị đơn. Hơn nữa, cho dù lời trình bày này của bị đơn là đúng thì việc không thi công là do điều kiện của Công ty VT và sự thỏa thuận giữa Công ty VT với công ty BC, sự thỏa thuận này không nằm trong sự thỏa thuận giữa Công ty VT với ông Trần Quốc L. Do đó, Công ty VT có nghĩa vụ phải tiếp tục thanh toán cho ông Trần Quốc L giá trị hợp đồng như đã thỏa thuận ban đầu. Xét thấy số tiền 70.000.000 đồng còn lại của hợp đồng và tiền lãi 1%/tháng kể từ ngày 12/12/2016 là ngày Công ty VT thanh toán số tiền 50.000.000 đồng đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 1%/tháng là 8.400.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 91; Điều 92; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 518, Điều 520, Điều 524, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quốc L.

Buộc bị đơn là Công ty VT phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Quốc L số tiền 70.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 12/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/12/2017 là 8.400.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Buộc Công ty VT phải chịu 3.920.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Trần Quốc L 1.800.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009875 ngày 27/4/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang